

Môn: Toán. Tuần: 27

Bài: CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ (tiếp theo)

(Tiết 138)

I. MỤC TIÊU:

- Biết viết và đọc các số với trường hợp chữ số hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị là 0 và hiểu được chữ số 0 còn dùng để chỉ không có đơn vị nào ở hàng đó của số có năm chữ số.
- Biết thứ tự của các số có năm chữ số và phép tính.
- Yêu thích học toán, thích tìm hiểu về toán học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:

- SGK, bảng phụ ghi bảng khung xanh, BT 1, 16 hình tam giác và hình ngũ giác ở BT 4.

III. TIẾN TRÌNH DẠY:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1. Ôn định</p> <p>2. Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2 HS đứng đọc các số : <ul style="list-style-type: none"> + 31 945 + 97 942 - GV gọi HS nhận xét. - GV nhận xét. <p>3. Bài mới:</p> <p>3.1. Giới thiệu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các em đã biết đọc, viết, các hàng của các số trường hợp không có chữ số 0 ở giữa, để biết xem trường hợp có số 0 ở giữa thì cách đọc, viết, các hàng có gì khác. Hôm nay thầy trò chúng ta cùng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + 31 945: ba mươi một nghìn chín trăm bốn mươi lăm. + 97 942: chín mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi hai. - HS nhận xét. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.

nhau tìm hiểu bài “Các số có năm chữ số tiếp theo”.

- GV gọi HS đọc lại tên bài học
- GV viết tên bài học lên bảng.

3.2. Giới thiệu các số có năm chữ số, trong đó bao gồm cả trường hợp có chữ số 0.

- GV dán bảng phụ - yêu cầu HS quan sát (GV điền hàng thứ nhất cho HS quan sát, nhận xét)

- HS lập lại tên bài học.

- HS quan sát.

Hàng					Viết số	Đọc số
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
3	0	0	0	0	30 000	Ba mươi nghìn.
3	2	0	0	0	32 000	Ba mươi hai nghìn.
3	2	5	0	0	32 500	Ba mươi hai nghìn năm trăm.
3	2	5	6	0	32 560	Ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi.
3	2	5	0	5	32 505	Ba mươi hai nghìn năm trăm linh năm.
3	2	0	5	0	32 050	Ba mươi hai nghìn không trăm năm mươi.
3	0	0	5	0	30 050	Ba mươi nghìn không trăm năm mươi.
3	0	0	0	5	30 005	Ba mươi hai nghìn không trăm linh năm.

- GV gọi HS nhận xét; đọc số GV vừa viết.

- GV nhận xét.

- GV gọi 1-2 HS nhắc lại.

- GV viết lần lượt hàng: 32 000, 32 500 vào cột hàng. Gọi HS hoàn thành như

- HS nhận xét: Số gồm 3 chục, 0 nghìn, 0 trăm, 0 chục, 0 đơn vị:

- HS lắng nghe.


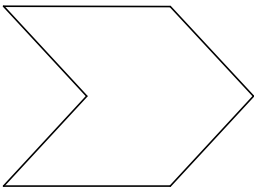
- HS nhắc lại.

- HS làm theo yêu cầu GV (viết vào cột viết số, đọc số).

<p>mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV viết lần lược số: 32 560, 32 505 vào cột viết số. Gọi HS hoàng thành bảng. - GV đọc số rồi gọi HS lên bảng hoàng thành bảng. - GV cho HS nhận xét từng cột trong bảng (các hàng). - GV đọc các số cho HS viết vào bảng: 71 010; 71 001 - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét. - GV cho HS chừa một khoảng trống giữa hàng nghìn và hàng trăm. - GV cho HS đọc lại bảng. <p>3.3. Hướng dẫn làm bài tập:</p> <p>BÀI TẬP 1: Viết (theo mẫu):</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">VIẾT SỐ</th> <th style="width: 50%;">ĐỌC SỐ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">86 030</td> <td>Tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">62 300</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>Năm mươi tám nghìn sáu trăm linh một.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">42 980</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>Bảy mươi nghìn không trăm ba mươi mốt.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">60 002</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu BT 1. - GV Hướng dẫn HS làm hàng đầu tiên. - GV viết số 86 030 gọi 1 HS đọc rồi lên ghi ở cột hàng. - GV cho cả lớp làm bài trong 2'. - GV gọi 5 HS lên bảng trình bày kết 	VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ	86 030	Tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi.	62 300			Năm mươi tám nghìn sáu trăm linh một.	42 980			Bảy mươi nghìn không trăm ba mươi mốt.	60 002		<ul style="list-style-type: none"> - HS làm theo yêu cầu GV (viết vào cột hàng, đọc số). - HS làm theo yêu cầu GV (viết vào cột hàng, viết số, đọc số). - HS nhận xét. - HS viết trên bảng lớp - HS nhận xét (Số gồm ... chục, ... nghìn, ... trăm, ... chục, ... đơn vị. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS đọc. - HS đọc. - HS quan sát. - HS đọc (đúng), lên bảng ghi. - HS làm bài. - HS làm bài trên bảng.
VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ														
86 030	Tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi.														
62 300															
	Năm mươi tám nghìn sáu trăm linh một.														
42 980															
	Bảy mươi nghìn không trăm ba mươi mốt.														
60 002															

quả.	VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
	86 030	Tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi.
	62 300	<i>Sáu mươi hai nghìn ba trăm .</i>
	58 601	Năm mươi tám nghìn sáu trăm linh một.
	42 980	<i>Bốn mươi hai nghìn chín trăm tám mươi.</i>
	70 031	Bảy mươi nghìn không trăm ba mươi một.
	60 002	<i>Sáu mươi nghìn không tám linh hai.</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nhận xét (sửa nếu sai). - GV nhận xét. 		<ul style="list-style-type: none"> - HS làm theo yêu cầu GV. - HS lắng nghe.
<p>BÀI TẬP 2: SỐ ?</p>		
<p>a) 18 301; 18 3002; ...; ...; ...; 18 306; ...</p>		
<p>b) 32 606; 32 607; ...; ...; ...; 32 611;</p>		
<p>...</p>		
<p>c) 92 999; 93 000; 93 001; ...; ...;</p>		
<p>93 004; ...</p>		<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. 		<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời:
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn làm bài 2a. GV hỏi: 		<ul style="list-style-type: none"> + Bài tập yêu cầu ta điền số vào khoảng trống.
<ul style="list-style-type: none"> + Bài tập yêu cầu ta điền gì vào khoảng trống ? 		<ul style="list-style-type: none"> + Bài này có 3 số, 3 khoảng trống
<ul style="list-style-type: none"> + Bài này có bao nhiêu số, bao nhiêu khoảng trống ? 		<ul style="list-style-type: none"> + Số thứ nhất cách số thứ hai 1 đơn vị
<ul style="list-style-type: none"> + Số thứ nhất cách số thứ hai bao nhiêu đơn vị ? 		<ul style="list-style-type: none"> + Số thứ hai cách số tiếp theo 3 khoảng trống. 3 đơn vị.
<ul style="list-style-type: none"> + Số thứ hai cách số tiếp theo bao nhiêu khoảng trống ? Bao nhiêu đơn vị ? 		<ul style="list-style-type: none"> + Vậy mỗi số cách khoảng trống 1 đơn vị. Mỗi khoảng trống cách nhau 1 đơn
<ul style="list-style-type: none"> + Vậy mỗi số cách khoảng trống bao 		

<p>nhiều đơn vị ? Mỗi khoảng trống cách nhau bao nhiêu đơn vị ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm bài 2 theo nhóm 2 vào SGK trang 144 (GV theo dõi, gợi ý nếu cần thiết). - GV gọi đại diện 3 nhóm đọc kết quả thảo luận. - GV gọi các nhóm khác nhận xét. - GV kết luận. <p>BÀI TẬP 3:</p> <p>a) 18 000; 19 000;;;;; 24 000.</p> <p>b) 47 000; 47 100; 47 200;;;;</p> <p>c) 56 300; 56 310; 56 320;;;;</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV hướng dẫn làm bài. Bài tập giống BT 2. - GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Bài này có bao nhiêu số, bao nhiêu khoảng trống ? + Số thứ nhất cách số thứ hai bao nhiêu đơn vị ? + Số thứ hai cách số tiếp theo bao nhiêu khoảng trống ? Bao nhiêu đơn 	<p>vị .</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài theo nhóm. - HS trình bài kết quả. <ul style="list-style-type: none"> a) 18 301; 18 3002; 18 303; 18 304; 18 305 ; 18 306; 18 370 b) 32 606; 32 607; 32 608; 32 609; 32 6010; 18 306; 32 6012 c) 92 999; 93 000; 93 001; 93 002; 93 003; 93 004; 93 005 - HS nhận xét. - HS lắng nghe. - HS đọc. - HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Bài này có 3 số, 4 khoảng trống + Số thứ nhất cách số thứ hai 1000 đơn vị + Số thứ hai cách số tiếp theo 3 khoảng trống. 3000 đơn vị.
--	---

<p>vị ?</p> <p>+ Vậy mỗi số cách khoảng trống bao nhiêu đơn vị ? Mỗi khoảng trống cách nhau bao nhiêu đơn vị ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở (GV theo dõi, gọi ý nếu cần thiết). - GV gọi 3 HS đọc bài làm (1HS đọc 1 câu). - GV gọi HS khác nhận xét. - GV hỏi lớp bao nhiêu bạn làm bài giống bạn ? (nếu đúng) - GV kết luận. - GV thu 5 vở HS nhận xét. <p>BÀI TẬP 4: Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình bên.</p>  <p>Hãy xếp thành hình dưới đây.</p>  <p>Hình1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS đọc BT 3. - GV chia lớp ra làm hai nhóm chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”. 	<ul style="list-style-type: none"> + Vậy mỗi số cách khoảng trống 1000 đơn vị. Mỗi khoảng trống cách nhau 1000 đơn vị . - HS làm bài. - HS đọc. <ul style="list-style-type: none"> a) 18 000; 19 000; 20 000; 21 000; 22 000; 23 000; 24 000. b) 47 000; 47 100; 47 200; 47 300; 47 400; 47 500; 47 600 c) 56 300; 56 310; 56 320; 56 330; 56 340; 56 350; 56 360. - HS nhận xét. - HS giờ tay. - HS lắng nghe. - 5 HS nộp vở. - HS đọc bài. - HS lắng nghe.
---	--

– GV sinh hoạt nội qui: “Mỗi nhóm cử 4 bạn thi ghép hình, mỗi bạn cầm 2 hình tam giác lần lượt xếp thành hình 1. Mỗi đội xếp 1 hàng dọc, mỗi lần được xếp 1 hình. Chú ý nếu sai thì bạn cuối cùng mới được sửa, khi thầy cùng các bạn đếm 1! 2! 3! Thì mới bắt đầu sắp, cuộc thi kết thúc khi có 1 đội xếp xong hoặc thầy hô hết giờ thì các đội dừng lại không xếp nữa. Kết quả đội hoàn thành hình trước sẽ thắng, hoặc đội nào ghép đúng nhiều hình sẽ thắng”.

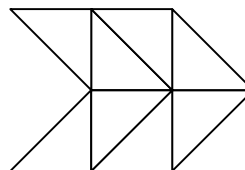
- 2 đội thi cử 4 bạn lên thi.
- GV và HS cùng đếm 1! 2! 3! Các đội thi bắt đầu thi.
- GV và HS cổ vũ cho các đội.
- Nếu thời gian lâu thì GV hô “hết giờ” .
- GV gọi HS nhận xét.
- GV kết luận.

4. Cũng cố, dặn dò:

- Hôm nay các em học bài gì ?
- GV nhận xét tiết học.
- GV dặn lớp về xem lại bài củ để chuẩn bị cho tiết sau học bài Luyện tập trang 145.

- 2 đội cử đại diện lên tham gia trò chơi.
- Các đội bắt đầu chơi.
- Các đội thi dừng lại.
- HS nhận xét.
- HS lắng nghe.

Đáp án các mảnh ghép



- HS trả lời: Các số có năm chữ số tiếp theo.
- HS lắng nghe.

Ngày tháng năm

Giáo viên hướng dẫn ký duyệt

.....

.....

.....

.....

hoc360.net